

TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HOÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST.

Ngày: 28 - 3 - 2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC – THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư,

Bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – DS ngày 28/02/2024 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh T - sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Xuân Tr – sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2023, bản tự khai ngày 04/10/2023 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Minh T trình bày:

Ông Hoàng Xuân Tr có vay bà Hoàng Thị Minh T tổng số tiền là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 16/10/2021, ông Tr vay 206.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày.

- Lần 2: Ngày 26/7/2022, ông Tr vay 376.000.000 đồng, lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày. Ông Tr có uỷ quyền cho bà T nhận tiền lương bắt đầu từ ngày 05/8/2022 và hẹn đến ngày 05/12/2022 sẽ trả cho bà số tiền 150.000.000đồng.

- Lần 3: Ngày 25/8/2022, ông Tr vay 421.000.000 đồng, lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày. Ông Tr có uỷ quyền cho bà T nhận tiền lương bắt đầu từ ngày vay tiền 25/8/2022 và hẹn đến ngày 04/12/2022 sẽ trả cho bà số tiền 150.000.000đồng.

- Lần 4: Ngày 17/12/2022, ông Tr vay số tiền 16.000.000 đồng, trong giấy không ghi lãi suất, hẹn đến ngày 05/01/2023 sẽ trả.

- Lần 5: Ngày 07/01/2023, ông Tr vay số tiền 20.000.000 đồng, trong giấy vay không ghi lãi suất, hẹn đến ngày 10/01/2023 sẽ trả.

- Lần 6: Ngày 11/01/2023, ông Tr vay số tiền 28.000.000 đồng, trong giấy vay không ghi lãi suất, ông Tr hẹn đến ngày 05/02/2023 sẽ trả cho bà 20.000.000 đồng.

Tất cả những khoản vay trên ông Tr chỉ hẹn ngày trả nhưng đến ngày hẹn bà T gặp ông Tr để đòi nợ thì ông Tr đều khất lần không trả và đề nghị bà T cho vay thêm và nói với bà T là đang làm thủ tục ra quân, khi nào lấy được tiền sẽ trả đầy đủ cho bà T, vì muốn lấy được nợ nên bà T lại tiếp tục cho ông Tr vay thêm. Nay bà T yêu cầu ông Tr phải trả cho bà tổng số tiền gốc của 06 khoản vay trên là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 06/02/2023 (là ngày tiếp theo của ngày hết hạn cuối cùng trong giấy vay nợ mà ông Tr hẹn trả nợ cho bà T), đối với số tiền vay mà hai bên có thoả thuận lãi suất là 1.003.000.000 (một tỷ lẻ ba triệu) theo mức lãi suất là 1,6%/tháng; đối với số tiền vay không thoả thuận về lãi suất là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng) theo mức lãi suất 0,8%/tháng.

Trong giấy vay có nhan đề “Dịch vụ cho vay cầm đồ Minh T” được in sẵn từ trước có tên Võ Thị H là tên con gái của bà T nhưng thực tế khoản tiền 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng) là tiền của bà T, chỉ một mình bà T cho ông Tr vay, ký tên chỗ người cho vay cũng chỉ có một mình bà T ký nên không liên quan gì đến chị H. Vì vậy, bà T yêu cầu Toà án buộc ông Hoàng Xuân Tr phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc của 06 khoản vay nợ trên và tiền lãi phát sinh cho bà. Trong giấy vay tiền ngày 16/10/2021 ông Tr có ghi để lại cho bà T 01 giấy chứng minh công an 222 – 754 mang tên Hoàng Xuân Tr và Giấy uỷ quyền nhận tiền lương trả nợ ngày 26/7/2022 ông Tr có ghi: tôi giao cho bà T thẻ lấy lương nhận toàn bộ số tiền lương hàng tháng của tôi. Bắt đầu từ ngày 05/8/2022 trở đi cho đến thời điểm T toán xong nợ. Nhưng, thực tế ông Tr không giao cho bà T bất kỳ giấy tờ gì.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Hoàng Xuân Tr trình bày như sau:

Ông Tr công nhận tất cả 06 giấy tờ liên quan đến vay nợ mà bà T cung cấp cho Toà án đều do ông Tr viết, ký. Nhưng thực tế ông Tr chỉ vay bà T số tiền là 421.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu đồng) tại giấy uỷ quyền nhận tiền lương – trả nợ đề ngày 25/8/2022 đó là số tiền bao gồm cả gốc và lãi cộng dồn tính từ thời điểm vay đến thời điểm ông Tr và bà T chốt viết giấy với nhau. Trong quá trình cam kết ông Tr đã trả cho bà T được 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) gốc và lãi, khi ông Tr trả tiền cho bà T không có giấy tờ gì cả. Tính đến nay ngày 09/11/2023, ông Tr còn nợ bà T tổng số tiền là 373.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi ba triệu đồng), sau đó ông Tr không trả cho bà T được nữa, bà T đã yêu cầu ông Tr viết giấy vay tiền khoản tiền lãi phát sinh chưa trả được đó là các giấy vay tiền đề ngày 17/12/2022, ngày 07/01/2023, ngày 11/01/2023. Nay gia đình ông rất khó khăn nên ông Tr xin bà T cho ông được trả số tiền còn nợ là 373.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi ba triệu đồng), không tính lãi phát sinh thêm nữa.

Ông Tr công nhận trong giấy vay nợ in sẵn có cả tên chị Võ Thị H, nhưng thực tế ông Tr chỉ vay tiền của một mình bà T, khoản vay nợ này là giữa ông Tr và bà T không liên quan gì đến chị H. Ông Tr cũng công nhận bà T không giữ bất cứ giấy tờ gì của ông.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Xuân Tr vắng mặt, bà Hoàng Thị Minh T khẳng định từ ngày vay đến nay ông Tr chưa trả nợ cho bà được đồng nào, 06 giấy vay là 06 khoản nợ riêng biệt không phải cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc cũng như không phải cộng chồng các giấy vay nợ lại với nhau như ông Tr đã trình bày. Vì vậy, bà T yêu cầu ông Tr phải trả cho bà tổng số tiền gốc của 06 khoản vay là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 06/02/2023 (là ngày tiếp theo của ngày hết hạn cuối cùng trong giấy vay nợ mà ông Tr hẹn trả nợ cho bà T), đối với số tiền vay mà hai bên có thoả thuận lãi suất là 1.003.000.000 (một tỷ lẻ ba triệu) theo mức lãi suất là 1,6%/tháng; đối với số tiền vay không thoả thuận về lãi suất là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng) theo mức lãi suất 0,8%/tháng cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Hoàng Xuân Tr có vay bà Hoàng Thị Minh T số tiền là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Ông Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ

nên bà T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Tr phải trả số tiền nợ đã vay và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn là ông Hoàng Xuân Tr cư trú tại: khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án xác định chị Võ Thị H là con gái của bà T tuy có tên trong 01 giấy vay nợ có nhan đề “Dịch vụ cho vay cầm đồ Minh T” được in sẵn từ trước cùng với tên của bà T. Bà T và ông Tr đều khẳng định việc vay nợ ông Tr chỉ vay riêng của một mình bà T, không liên đến chị H. Vì vậy, không đưa chị H vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T và ông Tr không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Hoàng Xuân Tr đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tr là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: 06 giấy vay nợ đề các ngày 16/10/2021, ngày 26/7/2022, ngày 25/8/2022, ngày 17/12/2022, ngày 07/01/2023 và ngày 11/01/2023 là tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã được Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ông Tr cũng công nhận tất cả các giấy tờ đó do ông viết và ký tên. Căn cứ vào các giấy vay tiền thể hiện ông Hoàng Xuân Tr có vay của bà Hoàng Thị Minh T tổng số tiền là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Cụ thể: Ngày 16/10/2021, ông Tr vay 206.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày. Ngày 26/7/2022, ông Tr vay 376.000.000 đồng, lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, ông Tr có uỷ quyền cho bà T nhận tiền lương bắt đầu từ ngày 05/8/2022 và hẹn đến ngày 05/12/2022 sẽ trả cho bà số tiền 150.000.000đồng. Ngày 25/8/2022, ông Tr vay 421.000.000 đồng, lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, ông Tr có uỷ quyền cho bà T nhận tiền lương bắt đầu từ ngày vay tiền 25/8/2022 và hẹn đến ngày 04/12/2022 sẽ trả cho bà số tiền 150.000.000đồng. Ngày 17/12/2022, ông Tr vay số tiền 16.000.000 đồng, trong giấy không ghi lãi suất, hẹn đến ngày 05/01/2023 sẽ trả. Ngày 07/01/2023, ông Tr vay số tiền 20.000.000 đồng, trong giấy vay không ghi lãi suất, hẹn đến ngày

10/01/2023 sẽ trả. Ngày 11/01/2023, ông Tr vay số tiền 28.000.000 đồng, trong giấy vay không ghi lãi suất, ông Tr hẹn đến ngày 05/02/2023 sẽ trả cho bà 20.000.000 đồng. Ông Tr cho rằng thực tế ông Tr chỉ vay bà T số tiền là 421.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu đồng) tại giấy uỷ quyền nhận tiền lương – trả nợ đề ngày 25/8/2022 đó là số tiền bao gồm cả gốc và lãi cộng dồn tính từ thời điểm vay đến thời điểm ông Tr và bà T chốt viết giấy với nhau. Trong quá trình cam kết ông Tr đã trả cho bà T được 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) gốc và lãi, khi ông Tr trả tiền cho bà T không có giấy tờ gì cả. Tính đến nay ngày 09/11/2023, ông Tr còn nợ bà T tổng số tiền là 373.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi ba triệu đồng), sau đó bà ông Tr không trả cho bà T được nữa, bà T đã yêu cầu ông Tr viết giấy vay tiền khoản tiền lãi phát sinh chưa trả được đó là các giấy vay tiền đề ngày 17/12/2022, ngày 07/01/2023, ngày 11/01/2023. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T khẳng định từ ngày cho ông Tr vay tiền đến nay ông Tr chưa trả cho bà được đồng tiền gốc cũng như đồng tiền lãi. Những lần bà T đòi nợ thì ông Tr luôn khất lần cố tình không trả cho bà T và đưa những hứa hẹn để bà T cho vay tiền tiếp, vì muốn lấy được nợ nên bà T lại tiếp tục cho ông Tr vay thêm nhiều lần nữa, tổng cộng là 06 lần với tổng số tiền là 1.067.000.000 đồng. Ông Tr khẳng định đã trả cho bà T được 48.000.000 đồng tiền gốc và lãi, bà T không thừa nhận ông Tr đã trả tiền cho bà, ông Tr không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận ông Hoàng Xuân Tr đã trả cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền gốc và lãi là 48.000.000 đồng. Ngoài giấy vay tiền có nhan đề “Dịch vụ cho vay cầm đồ Minh T” đề ngày 16/10/2021 là giấy in sẵn một số thông tin, các thông tin còn lại do ông Tr tự điền vào. Các giấy uỷ quyền nhận tiền lương – trả nợ đề các ngày 26/7/2022 và 25/8/2022, các giấy vay tiền đề ngày 17/12/2022, 07/01/2023 và 11/01/2023 đều tự tay ông Tr đánh máy, viết, ký tên. Bà T không công nhận Giấy uỷ quyền nhận tiền lương – trả nợ đề ngày 25/8/2022 là tiền cộng dồn tiền gốc và lãi của các giấy vay trước đó và các giấy vay tiền về sau là khoản tiền lãi phát sinh. Ông Tr là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi vay tiền và viết giấy vay tiền với bà T ông Tr đang công tác tại Công an huyện V nên ông Tr có đủ năng lực và trình độ, ông Tr không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của ông Tr. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Do ông Hoàng Xuân Tr đã vi phạm nghĩa vụ T toán như đã cam kết, nên bà T yêu cầu ông Tr phải trả cho bà T số tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Hoàng Xuân Tr phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền nợ gốc đã vay là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng) là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà T và ông Tr trong giấy vay nợ số tiền 206.000.000 đồng ngày 16/10/2021 lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày, giấy vay nợ số tiền 376.000.000 đồng ngày 26/7/2022 và giấy vay nợ số tiền 421.000.000

đồng ngày 25/8/2022 lãi suất là 1.500đồng/triệu/ngày. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng cho vay có thời hạn và có lãi. Khoản vay này có sự thỏa thuận về lãi suất nên yêu cầu của bà T tạm tính lãi từ ngày 06/02/2023 (ngày tiếp theo của ngày hết hạn cuối cùng trong giấy vay nợ mà ông Tr hẹn trả nợ cho bà T) đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận. Từ ngày 06/02/2023 đến ngày xét xử (28/3/2024) là 13 tháng 22 ngày: $1.003.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 220.392.000 \text{ đồng}$ (hai trăm hai mươi triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Giao dịch giữa bà T và ông Tr trong giấy vay nợ số tiền 16.000.000 đồng ngày 17/12/2022, giấy vay nợ số tiền 20.000.000 đồng ngày 07/01/2023 và số tiền 28.000.000 đồng ngày 11/01/2023 không thể hiện lãi suất. Như vậy khẳng định đây là hợp đồng cho vay có thời hạn và không có lãi. Đến hạn ông Tr không trả nợ nên bà T yêu cầu ông Tr phải trả lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn cuối cùng trong giấy vay nợ đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của BLDS nên được chấp nhận. Từ ngày 06/02/2023 đến ngày 28/3/2024 là 13 tháng 22 ngày: $64.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 7.031.000 \text{ đồng}$ (bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi ông Tr phải trả cho bà T là: $220.392.000 \text{ đồng} + 7.031.000 \text{ đồng} = 227.423.000 \text{ đồng}$ (hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi ông Hoàng Xuân Tr phải trả cho bà Hoàng Thị Minh T là: $1.067.000.000 \text{ đồng} + 227.423.000 \text{ đồng} = 1.294.423.000 \text{ đồng}$ (một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh T được chấp nhận nên ông Hoàng Xuân Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 117; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh T về việc buộc ông Hoàng Xuân Tr phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc ông Hoàng Xuân Tr phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền nợ gốc đã vay là 1.067.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và 227.423.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền lãi phát sinh. Tổng số tiền cả gốc và lãi ông Hoàng Xuân Tr phải trả là: 1.294.423.000 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 29/3/2024, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc ông Hoàng Xuân Tr phải nộp 50.832.700 đồng (năm mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang